

Số: 50/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Trần Thị Bích L**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp M, xã Tân Đ, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

2. Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 100 Ấp B, xã Hướng Thọ P, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Bích L thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Bích L thống nhất không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Bích L thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết nợ chung, tài sản chung vợ chồng.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Bích L thống nhất ông Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Bích L chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền tạm ứng **lệ phí** ông N, bà L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001482 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T sang lệ phí, **các đương sự** đã thi hành xong.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Trinh